

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 34/2023/DS- ST.

Ngày 10/5/2023.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Trường.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 - + Ông Nguyễn Đăng Thám.
 - + Ông Tô Đình Trị.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký tòa án.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST – DS ngày 14/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T tỉnh Quảng Nam – Phòng giao dịch K.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ánh H – Giám đốc Phòng giao dịch K.

Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 1A, thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Theo giấy ủy quyền số 32/NHNoTB ngày 01.3.2023 của giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T tỉnh Quảng Nam. (có mặt).

Bị đơn: Ông Châu Ngọc M, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ 6, thôn T, xã B, huyện T, Tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa đại diện nguyên đơn bà Trần Thị Ánh H đại diện cho ngân hàng trình bày:

Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K đã ký hợp đồng tín dụng với ông Châu Ngọc M theo hợp đồng tín dụng số 4203-LAV201803630 ngày 12/11/2018, thời hạn vay vốn là 36 tháng kể từ ngày 12/11/2018, hạn mức tín dụng được cấp là 53.000.000 đồng, mục đích vay là chăn nuôi bò.

Biện pháp đảm bảo: Cho vay không đảm bảo tài sản, Ngân hàng giữ hộ quyền sử dụng đất số A359097 cấp ngày 14/11/1996 do UBND huyện Thăng Bình cấp,

diện tích đất thổ cư 688m². Sau khi vay vốn xong ông M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, qua nhiều lần nhắc nhở ông M vẫn không có thiện chí trả nợ mà cố tình trốn tránh. Nay ông M còn nợ lại Ngân hàng số tiền vay gốc là 52.800.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/5/2023, là 28.103.000 đồng. Tổng cộng là 80.903.000 đồng (Tám mươi triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng).

Nay Ngân hàng chúng tôi yêu cầu tòa án buộc ông Châu Ngọc M phải trả số nợ vay là 80.903.000 đồng (Tám mươi triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng), trong đó số tiền vay gốc là 52.800.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/5/2023, là 28.103.000 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh đến khi trả xong nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn ông Châu Ngọc M đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng ông Châu Ngọc M vắng mặt nên không thu thập được lời khai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng của đại diện Phòng giao dịch Kế Xuyên kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Ông Châu Ngọc M đã không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T tỉnh Quảng Nam – Phòng giao dịch K. Buộc ông Châu Ngọc M phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T tỉnh Quảng Nam – Phòng giao dịch K số tiền vay gốc 52.800.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/5/2023, là 28.103.000 đồng. Tổng cộng là 80.903.000 đồng (Tám mươi triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng) , ngoài ra ông Châu Ngọc M phải tiếp tục chịu lãi phát sinh quá hạn theo hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ vay

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Châu ngọc M có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 6, thôn T, xã B, huyện T, Tỉnh Quảng Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Bị đơn ông Châu Ngọc M được triệu tập hợp lệ theo Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt ông Châu Ngọc M.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 12/11/2018 ông Châu Ngọc M có ký kết hợp đồng tín dụng số 4203-LAV201803630 với Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K để vay số tiền 53.000.000 đồng, thời hạn vay vốn là 36 tháng kể từ ngày 12/11/2018, mục đích vay là chăn nuôi bò.

Thực hiện hợp đồng ông Châu Ngọc M đã nhận đủ số tiền để mua bò chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Sau khi vay vốn xong ông M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, qua nhiều lần nhắc nhở ông M vẫn không có thiện chí trả nợ mà cố tình trốn tránh. Như vậy, ông Châu Ngọc M đã vi phạm cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp pháp, nhưng ông Châu ngọc M vẫn không trả lời bằng văn bản cho Tòa án nêu ý kiến của ông về việc vay tiền giữa ông và Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K. Ông Châu Ngọc M cũng không đến Tòa để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án. Ông Châu Ngọc M cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì vào ngày 31/02/2023 ông Châu Ngọc M đã trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 200.000 đồng. Kể từ ngày 01/3/2023 cho đến nay thì ông Châu Ngọc M không trả thêm cho Ngân hàng khoản tiền vay gốc và lãi nào khác. Ông M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng mà cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ vay với Ngân hàng. Các chứng mà Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K cập nhật cung cấp cho Tòa thể hiện ông Châu Ngọc M hiện nay còn nợ lại của Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K số tiền vay gốc là 52.800.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/5/2023, là 28.103.000 đồng. Tổng cộng là 80.903.000 đồng (Tám mươi triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng). Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi của Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K là có căn cứ xét chấp nhận. Buộc ông Châu Ngọc M phải trả cho Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K số tiền vay gốc là 52.800.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/5/2023, là 28.103.000 đồng. Tổng cộng là 80.903.000 đồng (Tám mươi triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng), kể từ ngày 11/5/2023 ông Châu Ngọc M phải tiếp tục chịu lãi phát sinh quá hạn theo hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Châu Ngọc M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.045.000 đồng (bốn triệu không trăm bốn lăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.760.000 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) theo quy định tại Điều 144; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K. Buộc ông Châu Ngọc M phải trả cho Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K số tiền vay gốc là 52.800.000 đồng và lãi tính đến ngày 10/5/2023, là 28.103.000 đồng. Tổng cộng là 80.903.000 đồng (Tám mươi triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng). Kể từ ngày 11/5/2023 ông Châu Ngọc M phải tiếp tục chịu lãi phát sinh quá hạn của số tiền vay gốc theo hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K.

Sau khi ông Châu Ngọc M thanh toán xong số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K thì Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K phải trả lại cho ông Châu Ngọc M các giấy tờ đã giữ gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A359097 do UBND huyện Thăng Bình cấp ngày 14/11/1996 cho hộ ông Châu Đ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Châu Ngọc M phải chịu 4.045.000 đồng (Bốn triệu không trăm bốn lăm ngàn đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.760.000 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006121 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T
- Cơ quan THADS huyện T
- Các đương sự
- Lưu HS

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)